

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **56** /2022/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **20** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

Đơn vị tính: %

STT	Khoản thu	Ngân sách nhà nước	Ngân sách trung ương	Phân chia tỷ lệ % cho các cấp NSDP			
				Ngân sách địa phương	Trong đó		
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
1	Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)						
a	Tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế	100%	0%	100%	100%		
b	Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế	100%	0%	100%		70%	30%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) kể cả doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc	100%	0%	100%	100%		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu) thuộc tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế						
a	Tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế	100%	0%	100%	100%		
b	Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế	100%	0%	100%		30%	70%
4	Thuế thu nhập cá nhân						
a	Thuế thu nhập cá nhân (không kể thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn xã, phường, thị trấn)	100%	0%	100%	100%		
b	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn xã, phường, thị trấn	100%	0%	100%		70%	30%
5	Thuế bảo vệ môi trường	100%	40%	60%	60%		
6	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan trung ương cấp phép	100%	70%	30%	30%		
7	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do cơ quan trung ương cấp phép	100%	70%	30%	30%		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ổn định trong giai đoạn 2023-2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở; Ban; Ngành; đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ~~##~~

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- VPUB: LĐVP, TH;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy